

Số: 24 /TB- STC

Hưng Yên, ngày 13 tháng 4 năm 2021

## THÔNG BÁO

### Về việc công khai số liệu và thuyết minh thu, chi ngân sách quý I năm 2021 của tỉnh Hưng Yên

#### 1. Thực hiện thu ngân sách nhà nước

Tính đến hết ngày 31/3/2021, tổng thu NSNN trên địa bàn là 5.157 tỷ đồng, đạt 38% dự toán HĐND giao (bao gồm: Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 884 tỷ đồng), cụ thể:

##### 1.1. Thu nội địa

Thu nội địa 4.273 tỷ đồng, đạt 42% dự toán HĐND giao. Nếu trừ thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết, thu nội địa 2.606 tỷ đồng, đạt 32% dự toán HĐND giao.

Thu nội địa tính đến 31/3/2020, tiến độ thực hiện dự toán tương đối đảm bảo, tiến độ các khoản thu không đồng đều; có 9/14 khoản thu, sắc thuế đạt từ 25% dự toán trở lên; còn lại 5/14 khoản thu, sắc thuế đạt dưới 25% dự toán, trong đó:

- Khu vực DNNN Trung ương: thu được 68 tỷ đồng, đạt 38% dự toán.
- Khu vực DNNN địa phương: thu được 12 tỷ đồng, đạt 39% dự toán
- Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài: thu được 589 tỷ đồng, đạt 28%
- Khu vực kinh tế NQD: thu được 1328 tỷ đồng, đạt 38%
- Thuế Thu nhập cá nhân: thu được 328 tỷ đồng, đạt 37%
- Thu tiền sử dụng đất: thu được 1660 tỷ đồng, đạt 79%
- Tiền thuê mặt đất, mặt nước: thu được 10 tỷ đồng, đạt 5% dự toán
- Thuế bảo vệ môi trường: thu được 83 tỷ đồng, đạt 19% so với dự toán.
- Lệ phí trước bạ: thu được 103.7 tỷ đồng, đạt 37% so với dự toán.
- Các khoản thu khác: Phí, lệ phí tính cân đối được 29 tỷ đồng, đạt 35% dự toán; Thu khác ngân sách tính cân đối được 38 tỷ đồng, đạt 23% so với dự

toán; Thu cố định tại xã tính cân đối được 3,2 tỷ đồng, đạt 13% so với dự toán; Thu xổ số kiến thiết được 6,8 tỷ đồng, đạt 31% dự toán.

**1.2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu:** thu được 884 tỷ đồng, đạt 26% dự toán.

## **2. Thực hiện chi ngân sách địa phương**

Ngay từ đầu năm 2021, ngành tài chính đã tập trung triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp để thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ; Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 22/3/2017 của ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn.

Nhìn chung các nhiệm vụ chi ngân sách trong những tháng đầu năm đảm bảo tiến độ dự toán. Tổng chi NSNN tính đến 31/3/2021 đạt 2.976 tỷ đồng, đạt 30% kế hoạch giao. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là 1.427 tỷ đồng, đạt 65% kế hoạch (bao gồm cả chi chuyển nguồn)

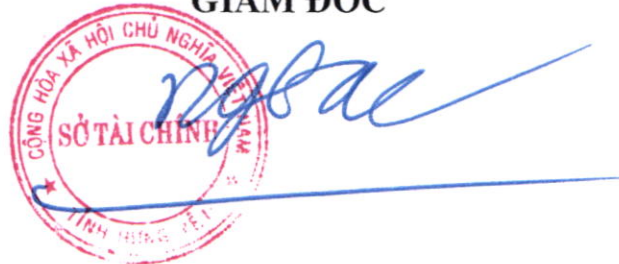
- Chi thường xuyên: 1.549 tỷ đồng, bằng 22% dự toán được giao.

Vậy, sở Tài chính thông báo công khai số liệu thu, chi quý I năm 2021. 

### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, QLNS.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Đức Tái**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2021**

(Kèm theo Thông báo số 24 /TB-STC ngày 13 /04/2021 của sở Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

ST T	Nội dung	Dự toán	Thực hiện Quý I	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm 2020
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>13.593,9</b>	<b>5.166,9</b>	<b>38,0</b>	<b>148,3</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>13.593,9</b>	<b>5.166,5</b>	<b>38,0</b>	<b>148,3</b>
1	Thu nội địa	10.193,9	4.282,4	42,0	162,6
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	3.400,0	884,1	26,0	104,1
4	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>				
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>9.987,7</b>	<b>2.976,4</b>	<b>29,8</b>	<b>95,6</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>9.385,4</b>		<b>0,0</b>	<b>0,0</b>
1	Chi đầu tư phát triển	2.685,0	1.427,0	53,1	97,4
2	Chi trả nợ lãi	4,8			
3	Chi thường xuyên	6.708,3	1.549,4	23,1	93,9
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,0			
5	Dự phòng NSNN	190,0			
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>602,2</b>			
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP (Ưu tiên trả nợ gốc, số còn lại hoàn trả huyện Văn Giang theo kiến nghị kiểm toán)</b>	<b>26,2</b>			
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>				

*M*

**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2021**  
(Kèm theo Thông báo số /TB-STC ngày /04/2021 của sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I, NĂM 2021	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b><u>13.593,9</u></b>	<b><u>5.166,9</u></b>	<b><u>38,0</u></b>	<b><u>148</u></b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b><u>10.193,9</u></b>	<b><u>4.282,4</u></b>	<b><u>42,0</u></b>	<b><u>163</u></b>
1	Thu từ khu vực DNNN	212,0	81,0	<u>38,2</u>	<u>131</u>
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2.100,0	589,9	<u>28,1</u>	<u>126</u>
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.500,0	1.328,7	<u>38,0</u>	<u>227</u>
4	Thuế thu nhập cá nhân	900,0	328,6	<u>36,5</u>	<u>117</u>
5	Thuế bảo vệ môi trường	435,0	83,1	<u>19,1</u>	<u>86</u>
6	Lệ phí trước bạ	372,0	103,7	<u>27,9</u>	<u>118</u>
7	Thu phí, lệ phí	84,9	29,7	<u>35,0</u>	<u>99</u>
8	Các khoản thu về nhà, đất	2.361,0	1.672,2	<u>70,8</u>	<u>178</u>
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	26,0	1,6	<u>6,2</u>	<u>171</u>
-	Thu tiền sử dụng đất	2.100,0	1.660,0	<u>79,0</u>	<u>180</u>
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	235,0	10,6	<u>4,5</u>	<u>66</u>
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	12,0	7,0	<u>58,3</u>	<u>140</u>

10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước				
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	22,0	6,8	30,9	113
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	25,0	12,0	48,0	52
13	Thu khác ngân sách	170,0	38,7	22,8	81
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>				
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	3.400,0	884,1	26,0	104
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	3.140,0	793,1	25,3	103
2	Thuế xuất khẩu	17,0	3,2	18,8	160
3	Thuế nhập khẩu	239,0	86,4	36,2	114
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	4,0	0,6	15,0	60
6	Thu khác				
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	9.309,7			
1	Từ các khoản thu phân chia	2.982,4			
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	6.327,2			

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2021  
(Kèm theo Thông báo số /TB-STC ngày /04/2021 của sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	9.987,7	2.976,4	29,8	95,6
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>9.385,4</b>			
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>3.075,3</b>	<b>1.427,0</b>	46,4	97,4
1	Chi đầu tư cho các dự án				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	6.708,3	1.549,4	23,1	93,9
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.300,8	519,5	22,6	94,8
2	Chi khoa học và công nghệ	30,4	13,2	43,4	110,0
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	354,2	191,1	54,0	99,5
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	116,9	22,8	19,5	114,0
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	64,5	8,8	13,6	97,8
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	149,0	25,4	17,0	115,5
8	Chi sự nghiệp kinh tế	652,5	83,9	12,9	56,7
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.462,3	386,8	26,5	91,4
10	Chi bảo đảm xã hội	1.041,7	196,9	18,9	110,6
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	4,8			
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	1,0			

V	Dự phòng ngân sách	190,0			
B	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>	<b><u>602,2</u></b>			
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				

*Handwritten signature*